

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **31/2024/HS-ST**
Ngày 01 – 7 – 2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 01/07/2024, tại trụ sở TAND huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST – HS ngày 03/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐ – HPT ngày 18/06/2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Huy Q (tên gọi khác: Không); Sinh năm 1996, tại: huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Con ông: Trần K, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971; Hiện bố mẹ bị cáo đang cư trú tại Thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Võ Văn T, sinh ngày 17/01/2006.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Anh Vũ Nguyễn Nguyên P, sinh ngày 25/08/2006.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ của anh P).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Anh Đặng Văn T2, sinh ngày 28/03/2007.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Lan A (là mẹ đẻ của anh T2)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- 4. Anh Hồ Phúc T3**, sinh ngày 10/06/2006.
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
Người đại diện hợp pháp bà Chu Thị K1, sinh năm 1985 (là mẹ đẻ của T3).
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
- 5. Anh Vũ Đức S**, sinh ngày 20/01/2006.
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 6. Anh Nguyễn Văn T4**, sinh ngày 11/04/2006.
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 7. Anh Nguyễn Văn V**, sinh ngày 24/11/2006.
Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp bà Đinh Thị N (là mẹ đẻ của anh V). Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
- 8. Anh Nguyễn Đăng Nhật H**, sinh ngày 01/11/2006.
Địa chỉ: Thôn F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp bà Trần Thị T5 (là mẹ đẻ của anh H)
Địa chỉ: Thôn F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 9. Anh Lương Đăng D**, sinh năm 2005.
Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
- 10. Anh Đinh Ngọc H1**, sinh ngày 15/02/2006.
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 11. Anh Nguyễn Văn Hoàng L1**, sinh ngày 15/11/2006.
Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị L2 (là mẹ đẻ của anh L1)
Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 12. Anh Hoàng Ngọc B**, sinh ngày 17/12/2006. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện hợp pháp là bà Vũ Thị N1 (là mẹ đẻ của anh B). Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 13. Anh Nguyễn Đình H2**, sinh năm 2005.
Địa chỉ: TDP1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 14. Anh Vũ Đình Huy H3**, sinh năm 2005.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 15. Anh Quán Văn T6**, sinh năm 2005.
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 16. Anh Quách Tiến Đ**, sinh ngày 12/11/2006.
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp bà Đoàn Thị Thanh T7 (là mẹ đẻ của anh Đ)
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 17. Anh Phạm Duy N2**, sinh ngày 20/08/2006.
Địa chỉ: T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị L3 (là mẹ đẻ của anh N2)

Địa chỉ: TDP1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

18. Anh Phạm Văn D1, sinh năm 2005.

Địa chỉ: T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

19. Anh Nguyễn Văn H4, sinh ngày 08/09/2006.

Địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn C (là bố đẻ của anh H4)

Địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

20. Anh Nguyễn Văn D2, sinh ngày 15/12/2006.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp là bà Ngô Thị P1 (là mẹ đẻ của anh D2)

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

21. Anh Phạm Đình K2, sinh năm 2005. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

22. Anh Nguyễn Như H5, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

23. Anh Bùi Viết H6, sinh năm 2004.

Địa chỉ: T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

24. Anh Lê Thế T8, sinh năm 2004.

Địa chỉ: T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Đại diện nhà trường:

+ Ông Thái L4 – Giáo viên trường THPT T12, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T9 – Giáo viên trường THPT T13, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2023, Trần Huy Q thấy một số học sinh có nhu cầu vay tiền nên Q nảy sinh ý định cho vay lãi nặng nhằm thu lợi. Hình thức cho vay tiền, thu lãi ngày với mức lãi suất từ 10.000đ – 15.000đ/triệu/ngày, tương ứng 365%/năm – 547%/năm, có trường hợp vay và trả trong ngày thì lãi suất cho vay có lúc lên đến lãi cao nhất 10.950%/năm. Khi giao tiền cho người vay thông thường Q sẽ thu trước 10 ngày tiền lãi. Sau đó đến khi sắp hết hạn 10 ngày đóng lãi thì Q sử dụng số điện thoại 0869227408 (được lắp trong điện thoại Iphone XS Max màu vàng, là điện thoại của Q) để gọi điện nhắc nhở người vay đóng tiền lãi. Có khi thì người vay sẽ tự đến gặp Q để đóng lãi, có khi thì Quốc tự đi thu tiền. Phương tiện Q sử dụng để đi gặp người vay là 01 xe mô tô biển số 47F1 - 467.29, nhãn hiệu Hon Da, loại xe Air Blade màu đen đỏ. Khi bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng, Q sử dụng số tiền gốc ban đầu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để cho vay. Sau khi thu được tiền gốc và lãi thì Q tiếp tục sử dụng tiền này cho những người khác vay tiếp để thu lợi.

Từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023, Q đã cho nhiều người trên địa bàn huyện E vay tiền. Đến nay, Cơ quan điều tra đã có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh Trần Huy Q đã cho 21 người vay lãi nặng để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

(1) Võ Văn T, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 10/2023, vay số tiền 4.500.000đ, Khoản vay này trong ngày T đã trả cho Q cả gốc và lãi là 5.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 2.466đ, như vậy Q đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 2.466đ = 497.534đ$, tương ứng với lãi suất 4.055%/năm.

- Lần 2: Ngày 26/11/2023, vay số tiền 6.500.000đ. Khoản vay này trong ngày T đã trả cho Q cả gốc và lãi là 7.000.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 3.562đ = 496.438đ$, tương ứng với lãi suất 2.807%/ năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

(2) Vũ Nguyễn Nguyên P, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Vào ngày 18/11/2023, vay số tiền 1.000.000đ. Thời hạn vay 01 ngày, ngày 19/11/2023 đã trả cả gốc và lãi cho Q là 1.300.000đ. Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 548đ = 299.452đ$, tương ứng với lãi suất 10.950%/năm.

- Lần 2: Ngày 25/11/2023, vay số tiền 3.000.000đ, thỏa thuận lãi 1.000.000đ/30 ngày. Tuy nhiên khoản vay này vay được 20 ngày thì P đã trả đủ gốc và lãi cho Q với số tiền 4.000.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 32.877đ = 967.123đ$, tương ứng với lãi suất 608%/năm.

- Lần 3: Khoảng cuối tháng 12/2023, vay số tiền 1.500.000đ, thời hạn vay 1 ngày. Khoản vay trong ngày Q đã thu cả gốc và lãi là 1.800.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 822đ = 299.178đ$, tương ứng với lãi suất 7.300%/năm.

(3) Đặng Văn T2, sinh năm: 2007, trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

Lần 1: Vào ngày 01/12/2023, vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày, khi đưa tiền Q cắt lãi 10 ngày với số tiền 2.000.000đ, đến ngày 08/12/2023 T2 tiếp tục trả cho Q 10 ngày lãi tiếp theo là 2.000.000đ. Khoản vay này trong 20 ngày Q đã thu đủ tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 4.000.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $4.000.000đ - 219.178đ = 3.780.822đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

Lần 2: Vào ngày 15/12/2023, vay số tiền 12.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 10.000đ/triệu/ngày. thời hạn 15 ngày. Khi vay Q không cắt lãi trước, khoản vay này Q chưa thu gốc và lãi (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi). Đối với khoản vay này bị cáo chưa thu lợi bất chính nhưng có thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định của pháp luật. Cần truy thu của T2 hoặc người đại diện hợp pháp để sung quỹ nhà nước.

(4) Hồ Phúc T3, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Vào khoảng giữa tháng 11/2023, vay 3.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi đưa tiền thì Q cắt lãi trước 30 ngày với số tiền 900.000đ. Tuy nhiên T3 vay được 02 ngày thì T3 đã trả đủ cho Q số tiền gốc là 3.000.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $900.000đ - 3.288đ = 896.712đ$, tương ứng với lãi suất 5.475%/năm.

(5) Vũ Đức S, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 12/2023, vay số tiền 2.500.000đ, thời hạn vay 1 ngày. Khoản vay trong ngày Q đã thu cả gốc và lãi là 2.800.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 1.370đ = 298.630đ$, tương ứng với lãi suất 4.380%/năm.

- Lần 2: vào ngày 23/12/2023, vay số tiền 2.500.000đ, thời hạn vay 7 ngày, lãi suất 300.000đ/07 ngày. Khoản vay trong 7 ngày Q đã thu cả gốc và lãi là 2.800.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 9.589đ = 290.411đ$, tương ứng với lãi suất 625%/năm.

- Lần 3: Vào 30/12/2023, vay số tiền 3.000.000đ, thời hạn vay 1 ngày. Khoản vay trong ngày Q đã thu cả gốc và lãi là 3.300.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 1.644đ = 298.356đ$, tương ứng với lãi suất 3.650%/năm.

(6) Nguyễn Văn T4, sinh năm: 2006, trú tại: thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng giữa tháng 9/2023, vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi 10 ngày với số tiền 1.500.000đ. Khoản vay này trong 10 ngày Q đã thu đủ 15.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.500.000đ - 82.192đ = 1.417.808đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 2: Vào khoảng đầu tháng 10/2023, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày, thời hạn vay 10 ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 1.000.000đ. Khoản vay trong 10 ngày Q đã thu tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi là 1.000.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 54.795đ = 945.205đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(7) Nguyễn Văn V, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn D, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Vào ngày 06/12/2023, vay số tiền 45.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi đưa tiền thì Q đã cắt lãi 10 ngày với số tiền 4.500.000đ. Khoản vay trong 13 ngày sau thì đã trả đủ 45.000.000đ tiền gốc. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi Q đã thu của V trong 13 ngày là 49.500.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $4.500.000đ - 320.547đ = 4.179.453đ$, tương ứng với lãi suất 280%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi và V có viết giấy vay tiền).

(8) Nguyễn Đặng Nhật H, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Vào ngày 07/10/2023, vay số tiền 5.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi 10 ngày với số tiền 500.000đ, sau đó H đóng tiếp 20 ngày lãi với số tiền 1.000.000đ. Trong vòng 30 ngày Q đã thu đủ 5.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.500.000đ - 82.192đ = 1.417.808đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 2: Vào ngày 14/10/2023, vay số tiền 5.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi 10 ngày với số tiền 500.000đ. Trong vòng 10 ngày Q đã thu đủ 5.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 27.397đ = 472.603đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(9) Lương Đăng D, sinh năm: 2005, trú tại: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 10/10/2023, vay 3.000.000đ, 03 ngày sau D đã trả đủ 3.000.000đ tiền gốc và Quốc thu của D 50.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $50.000đ - 4.931đ = 45.069đ$, tương ứng với lãi suất 202%/năm.

Lần 2: Ngày 10/11/2023, vay 2.000.000đ, 05 ngày sau D đã trả đủ cho Q 2.000.000đ tiền gốc và Quốc thu của D 100.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $100.000đ - 5.480đ = 94.520đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

Lần 3: Ngày 28/12/2023, vay 15.000.000đ, khi đưa tiền thì Q cắt lãi trước 10 ngày với số tiền là 2.500.000đ nên chỉ đưa cho D 12.500.000đ. Hiện D chưa trả tiền gốc cho Q, Q đã thu lợi bất chính số tiền $2.500.000đ - 82.192đ = 2.417.808đ$, tương ứng với lãi suất 608%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

Lần 4: Ngày 24/12/2023, vay 2.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/triệu/ngày khi vay do tin tưởng nên không yêu cầu viết giấy vay, đối với khoản vay này Q chưa cắt lãi, hiện nay D vẫn chưa trả tiền gốc và lãi cho Q. Đối với khoản vay này bị cáo chưa thu lợi bất chính từ việc thu tiền lãi nhưng có thỏa thuận lãi vượt quá lãi suất quy định của pháp luật. Cần truy thu của D để sung quỹ nhà nước.

(10) Đinh Ngọc H1, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn A, xã E, huyện M' Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Ngày 22/11/2023, vay số tiền 5.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 500.000đ. Khoản vay này trong 10 ngày Q đã thu đủ 5.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 27.397đ = 472.603đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi) BL: 131; 139 – 149; 190.

(11) Nguyễn Văn Hoàng L1, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn C, xã E, huyện M' Đ, tỉnh Đắk Lắk. Vay 06 lần:

- Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 10/2023, vay số tiền 2.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 200.000đ. Khoản vay này trong ngày L1 trả đủ cho Q nên Q đã thu đủ 2.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 1.096đ = 198.904đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 2: Vào khoảng tháng 10/2023, vay số tiền 3.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 300.000đ. Khoản vay này trong ngày L1 trả đủ cho Q nên Q đã thu đủ 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 1.644đ = 298.356đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 3: Vào khoảng giữa tháng 10/2023, vay số tiền 5.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 500.000đ. Khoản vay này trong ngày L1 trả đủ cho Q nên Q đã thu đủ 5.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 2.740đ = 497.260đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 4: Vào đầu tháng 11/2023, vay số tiền 10.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 1.000.000đ. Khoản vay này trong 03 ngày L1 đã trả tiền cho Q nên Q đã thu đủ 10.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 16.438đ = 983.562đ$, tương ứng với lãi suất 1.216%/năm.

- Lần 5: Vào ngày 14/11/2023, vay số tiền 10.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q không cắt lãi. Khoản vay này Q cho vay trong 42 ngày thì thu đủ

10.000.000đ tiền gốc và thu 2.000.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $2.000.000đ - 230.137đ = 1.769.863đ$, tương ứng với lãi suất 173%/năm.

- Lần 6: Vào ngày 05/12/2023, vay số tiền 10.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q không cắt lãi. Đến ngày 25/12/2023 Q đã thu 20 ngày tiền lãi với số tiền 2.000.000đ và 1.000.000đ tiền gốc. Sau đó làm đã trả được cho Q số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính số tiền $2.000.000đ - 109.589đ = 1.890.411đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(12) Hoàng Ngọc B, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng tháng 9/2023, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 10.000đ/triệu/ngày. Nhưng trong 10 ngày Q chỉ thu của B đủ 5.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 27.397đ = 172.603đ$, tương ứng với lãi suất 146%/năm.

- Lần 2: Ngày 06/11/2023, vay số tiền 2.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Nhưng 30 ngày sau (đến ngày trả lãi) B không có tiền trả nên tiếp tục vay thêm 3.000.000đ (Q không tính lãi đối với số tiền 3.000.000đ này). Ngày 06/12/2023 B đã trả đủ cho Q 2.000.000đ tiền gốc và 600.000đ tiền lãi và trả cho Q 3.000.000đ tiền gốc không tính lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $600.000đ - 82.192đ = 517.808đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

(13) Nguyễn Đình H2, sinh năm: 2005, trú tại: TDP A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Khoảng cuối tháng 10/2023, vay số tiền 20.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khoản vay này trong 10 ngày Q đã thu đủ 20.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $2.000.000đ - 109.589đ = 1.890.411đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(14) Vũ Đình Huy H3, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Đầu tháng 11/2023, vay số tiền 5.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 500.000đ. Khoản vay này trong 10 ngày Q đã thu đủ 5.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 27.397đ = 472.603đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 2: Giữa tháng 11/2023, vay số tiền 15.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 1.500.000đ. Khoản vay này trong 10 ngày Q đã thu đủ 15.000.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.500.000đ - 82.192đ = 1.417.808đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 3: Đầu tháng 12/2023, vay số tiền 20.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 05 ngày với số tiền 1.000.000đ. Khoản vay này trong 05 ngày Q đã thu đủ 20.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi, Q đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 54.795đ = 945.205đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(15) Quán Văn T6, sinh năm: 2005, trú tại: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Vào ngày 03/10/2023 vay số tiền 3.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 300.000đ. sau đó cứ 1 tháng T6 phải trả lãi cho Q 1 lần với số tiền là 900.000đ. Khoản vay này T6 đã đóng thêm cho Q 60 ngày tiền lãi với

số tiền 1.800.000đ, Tổng số tiền lãi Q đã thu của T6 trong 70 ngày là 2.100.000đ tiền lãi, chưa thu tiền gốc, Q đã thu lợi bất chính số tiền 2.100.000đ - 115.068đ = 1.984.932đ, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Việc cho T6 vay tiền Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

(16) Quách Tiến Đ, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vay 01 lần:

Ngày 15/11/2023 vay 11.000.000đ, khi vay thì Q không cắt lãi trước. Khoản vay này trong 35 ngày sau thì Đ trả nợ cả gốc và lãi cho Q nên Q đã thu số tiền lãi của 35 ngày là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và đã thu đủ tiền gốc. Như vậy Q đã thu tổng cả tiền gốc và lãi của khoản vay này là 15.000.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền 4.000.000đ - 210.959đ = 3.789.041đ, tương ứng với lãi suất 379%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

(17) Phạm Duy N2, sinh năm: 2006, trú tại: tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Vào ngày 08/10/2023 vay số tiền 3.000.000đ, lãi 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay cắt lãi 10 ngày với số tiền 300.000đ. sau đó N2 đã trả lãi cho Q thêm 05 lần, tổng số ngày đóng lãi là 82 ngày với tổng số tiền lãi Q đã thu được là 2.700.000đ. Hiện chưa trả tiền gốc, Q đã thu lợi bất chính số tiền 2.700.000đ - 134.795đ = 2.565.205đ, tương ứng với lãi suất 400%/năm (Việc cho N2 vay tiền Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

(18) Phạm Văn D1, sinh năm: 2005, trú tại: tổ dân phố H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 04 lần:

- Lần 1: Ngày 10/11/2023, vay số tiền 3.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q lấy lãi 10 ngày với số tiền 300.000đ. Khoản vay này đã thu đủ 10 ngày cả gốc và lãi là 3.300.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền 300.000đ - 16.438đ = 283.562đ, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

- Lần 2: Ngày 14/11/2023, vay số tiền 2.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q lấy lãi 10 ngày với số tiền 200.000đ. Khoản vay này đã thu đủ 10 ngày cả gốc và lãi là 2.200.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền 200.000đ - 10.959đ = 189.041đ, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

- Lần 3: Ngày 24/11/2023, vay số tiền 3.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q lấy lãi 10 ngày với số tiền 300.000đ. Khoản vay này đã thu đủ 10 ngày cả gốc và lãi là 3.300.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền 300.000đ - 16.438đ = 283.562đ, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

- Lần 4: Khoảng đầu tháng 12/2023, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q lấy lãi 10 ngày với số tiền 1.000.000đ. Khoản vay này đã thu đủ 10 ngày cả gốc và lãi là 11.000.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 54.795đ = 945.205đ, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(19) Nguyễn Văn H4, sinh năm: 2006, trú tại: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần:

Ngày 23/10/2023, vay 2.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày, khi vay Q cắt lãi trước 10 ngày nên chỉ đưa cho H4 1.800.000đ, sau khi hết hạn 10 ngày thì 30

ngày sau H4 đóng thêm 600.000đ tiền lãi và trả cho Q 1.000.000đ tiền gốc. Như vậy khoản vay này Q đã thu được 40 ngày tiền lãi với số tiền 800.000đ, H4 đã trả được 1.000.000đ tiền gốc, còn nợ Q 1.000.000đ tiền gốc, Q đã thu lợi bất chính số tiền $800.000đ - 43.835đ = 756.165đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

(20) Nguyễn Văn D2, sinh năm: 2006, trú tại: thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 04 lần:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 9/2023, vay số tiền 2.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi trước 10 ngày với số tiền 200.000đ. Sau khi hết 10 ngày thì D2 đã trả đủ tiền gốc 2.000.000đ cho Q, Q đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 10.959đ = 189.041đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 2: Khoảng cuối tháng 10/2023, vay số tiền 2.500.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi trước 10 ngày với số tiền 250.000đ. Sau đó D2 đóng thêm 20 ngày tiền lãi với số tiền 500.000đ. Đến hết ngày thứ 30 kể từ lúc vay tiền thì D2 trả đủ tiền gốc cho Q là 2.500.000đ. Như vậy tổng tiền lãi Q đã thu được trong 30 ngày là 750.000đ, tiền gốc đã thu đủ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $750.000đ - 41.096đ = 708.904đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 3: Khoảng giữa tháng 11/2023, vay số tiền 2.000.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi trước 10 ngày với số tiền 200.000đ. Sau khi hết 10 ngày thì D2 đã trả đủ tiền gốc 2.000.000đ cho Q, Q đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 10.959đ = 189.041đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

- Lần 4: Khoảng cuối tháng 11/2023, vay số tiền 2.500.000đ, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày. Khi vay Q cắt lãi trước 10 ngày với số tiền 250.000đ. Đến hết ngày thứ 10 kể từ lúc vay tiền thì D2 trả đủ tiền gốc cho Q là 2.500.000đ, Q đã thu lợi bất chính số tiền $250.000đ - 13.698đ = 236.302đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

(21) Phạm Đình K2, sinh năm 2005, trú tại thôn D, E, E, D. Vay 01 lần:

Ngày 15/10/2023, K2 vay Q số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), lãi suất là 10.000đ/triệu/ngày. Đến ngày 15/11/2023 thì K2 đóng cho Q 30 ngày tiền lãi với số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và đã trả cho Q 1.000.000đ tiền gốc, Q đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 16.438đ = 283.562đ$, tương ứng với lãi suất 365%/năm.

Như vậy, với việc cho vay lãi nặng trên bị cáo Trần Huy Q đã bỏ ra số tiền gốc cho vay ban đầu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau khi thu được tiền gốc và lãi của người vay thì Q tiếp tục xoay vòng vốn, cho những người khác tiếp tục vay để thu lợi. Tổng số tiền gốc cho 21 người vay từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 là **320.500.000đ** (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền gốc đã thu được là **284.500.000đ** (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền gốc người vay còn nợ là **22.000.000đ** (Hai mươi hai triệu đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là **45.450.000đ** (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định của nhà nước là **2.404.112đ** (Hai triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười hai đồng), số tiền lãi Q đã thu lợi bất chính là **43.045.888đ** (Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng);

Những người Quốc cho vay tiền nhưng không tính lãi và những người vay chưa thu gốc và lãi, cụ thể:

1. Nguyễn Như H5, sinh năm 1999, trú tại thôn Q, E, E, Đắc Lắc, vay 01 lần: Vào cuối tháng 10/2023 thì Q có cho H5 vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), vì Q với H5 chơi thân với nhau nên khi vay thì Q không tính lãi đối với khoản vay này. Tuy nhiên khoảng 01 tháng sau thì H5 không trả lại tiền cho Q nên Q nhấn tin cho H5 với nội dung là tính tiền lãi để dọa H5 nếu không trả tiền thì Q sẽ tính lãi đối với khoản vay, mục đích để cho H5 sợ Q tính lãi mà phải trả lại tiền cho Q chứ thực tế Q không thu lãi đối với số tiền cho H5 mượn. Sau đó thì H5 trả cho Q được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc, hiện H5 còn nợ Quốc 80.000.000đ (T10 mươi triệu đồng) tiền gốc. Q không thu lãi đối với số tiền cho H5 vay.

2. Bùi Viết H6, sinh năm 2004, trú tại tổ dân phố B, thị trấn E, E, Đắc Lắc, vay 01 lần: Vào ngày 25/11/2023, H6 có vay Q số tiền 8.000.000đ, hẹn ngày 27/11/2023 sẽ trả lại tiền cho Q. Tuy nhiên đến nay thì H6 chưa trả tiền cho Q, khoản vay này Q không tính lãi (H6 có viết giấy vay tiền).

3. Lê Thế T8, sinh năm 2004, trú tại thôn A, E, E, Đắc Lắc, vay 01 lần: Ngày 21/11/2023, T8 vay của Q số tiền 8.000.000đ. Sau đó thì T8 bỏ đi đâu không rõ nên Q chưa thu được gốc và lãi của khoản vay. Hiện nay T8 còn nợ Q tiền gốc là 8.000.000đ (Lần vay này Q có ghi chú trong điện thoại để theo dõi).

4. Đinh Ngọc H1, sinh năm 2006, trú tại: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc, vay 01 lần: Đầu tháng 12 năm 2023 H1 vay của Q số tiền 3.000.000đ, không tính lãi, đến nay H1 đã trả cho Q số tiền 3.000.000đ.

Vật chứng đã thu giữ:

- 01 (một) giấy CCCD số 066205016195 mang tên Lương Đăng D; 01 (một) giấy CCCD số 056205000175 mang tên Quán Văn T6; 01 (một) giấy CCCD số 066206013568 mang tên Phạm Duy N2. Cơ quan CSĐT Công an huyện E đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 (một) giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025282 mang tên Trần Huy Q.

- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 03/12/2023, người vay tiền tên Nguyễn Như H5.

- 03 (ba) mẫu giấy vay tiền được đánh bằng máy tính, đã in sẵn.

- 07 (bảy) mẫu hợp đồng mua bán xe máy đánh bằng máy tính, đã in sẵn.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, IMEI 1: 357270095667695, IMEI 2: 357270095819833, bên trong có gắn sim số 0869227408, seri sim: 8984048000923651225.

- 01 xe mô tô biển số 47F1- 467.29, nhãn hiệu Hon Da, loại xe Air Blade màu đen đỏ.

- Tiền ngân hàng N3 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng).

Bản cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 10 tháng 04 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Trần Huy Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Ea Kar giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội

của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Huy Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS; xử phạt bị cáo Trần Huy Q từ 12 tháng – 14 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Huy Q số tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về các biện pháp tư pháp:

Về TNDS: Đề nghị truy thu đối bị cáo Trần Huy Q số tiền gốc đã thu hồi là **284.500.000đ** (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) để sung quỹ nhà nước; còn đối với số tiền lãi suất 20%/năm với số tiền là 2.404.112 thì sung quỹ nhà nước;

Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% mà bị cáo Q đã nhận của những người cho vay là khoản tiền thu lợi bất chính, cần trả cho những người đi vay là phù hợp.

Buộc những người đã vay tiền phải nộp số tiền nợ gốc đã vay mà chưa trả cho bị cáo Q để sung vào quỹ Nhà nước. Đối với những người chưa đủ tuổi tại thời điểm xét xử thì nếu không có tài sản thì cần buộc người đại diện hợp pháp phải nộp số tiền còn nợ gốc chưa trả để sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Đối với các đồ vật, tài sản là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với các đồ vật, tài sản không liên quan tới việc phạm tội, cần trả lại cho các chủ sở hữu, còn đối với các tài liệu là giấy vay tiền có liên quan đến việc phạm tội là chứng cứ cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, tại lời nói sau cùng bị cáo kính đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 09 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, Trần Huy Q đã tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính, tổng số 21 người vay với lãi suất từ 146%/năm đến 10.950%/năm. Tổng số tiền gốc đã cho 21 người vay là **320.500.000đ** (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền gốc đã thu được là **284.500.000đ** (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền gốc người vay còn nợ là

22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là **45.450.000đ** (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định của nhà nước là **2.404.112đ** (Hai triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười hai đồng), số tiền Q thu lợi bất chính là **43.045.888đ** (Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Do đó, Hành vi của bị cáo Trần Huy Q đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201. Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý về kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nhất là với thể hệ trẻ hiện nay đang ngồi trên ghế nhà trường, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phải biết được rằng hành vi cho vay nặng lãi là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng vì mục đích háms lợi nên bị cáo mới thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* *Về tình tiết tăng nặng:* Không

* *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bà nội của bị cáo là người có công với cách mạng, bố bị cáo tham gia quân ngũ, hiện đang được hưởng chính sách của nhà nước. Do đó HĐXX cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra trong đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng, là hiểm họa gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, khiến cho nhiều gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn cùng cực. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng Khoản 3 Điều 201 để áp dụng thêm hình phạt tiền đối bổ sung với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX cần chấp nhận. Do áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập khi áp dụng hình phạt chính.

Đối với các khoản vay của Nguyễn Như H5; Bùi Viết H6; Lê Thế T8; Đinh Ngọc H1 mà không tính lãi này thì HĐXX không xem xét để xử lý là phù hợp.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

[5.1] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện E đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại cho Lương Đăng D 01 (một) giấy CCCD số 066205016195; trả cho Quán Văn T6 01 (một) giấy CCCD số 056205000175; trả cho Phạm Duy N2 01 (một) giấy CCCD số 066206013568 mang tên Phạm Duy N2.

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với xe mô tô biển kiểm soát 47F1 – 467.29, nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade màu đen, giấy đăng ký xe mang tên Trần Huy Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone XS màu vàng; số tiền 1.300.000 đồng đây là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Còn đối với các giấy vay tiền; các tài liệu chứng cứ có liên quan đã được thu giữ trước đó cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Trần Huy Q phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được **284.500.000đ** (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Q đã thu của người vay là **2.404.112đ** (Hai triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười hai đồng). Tổng cộng bị cáo Q phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền là **286.904.112đ** (Hai trăm tám mươi sáu triệu chín trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười hai đồng).

- Buộc những người vay phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền vay còn nợ bị cáo Q với tổng số tiền **22.000.000đ** (Hai mươi hai triệu đồng), cụ thể: **Anh Lương Đăng D phải nộp số tiền 15.000.000 đồng**; **Anh Quán Văn T6 phải nộp số tiền 3.000.000đ**; **Anh Phạm Duy N2 phải nộp số tiền 3.000.000đ**. Trường hợp Phạm Duy N2 (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 10 tháng 11 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Phạm Duy N2 là bà Nguyễn Thị L3 phải nộp để sung quỹ nhà nước; Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm: 2006, trú tại: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải nộp số tiền 1.000.000đ. Trường hợp Nguyễn Văn H4 (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 9 tháng 23 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn H4 là ông Nguyễn Văn T11 phải nộp để sung quỹ nhà **nước**.

- Đối với khoản vay của **Lương Đăng D còn nợ gốc chưa trả 2.000.000 đồng tiền gốc và** Đặng Văn T2 phải nộp số tiền 12.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất **vượt quá quy định của pháp luật, đối với khoản vay này Q chưa thu tiền** lãi của D và T2, nhưng số tiền mà của Q đã cho vay là số tiền vi phạm pháp luật cần phải truy thu của D và T2 để sung quỹ nhà nước là phù hợp. Trường hợp Đặng Văn T2 (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 3 tháng 03 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Đặng Văn T2 là bà Nguyễn Thị Lan A phải nộp để sung quỹ nhà nước.

[5.2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Huy Q phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 43.045.888đ để trả lại cho nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Võ Văn T số tiền là 993.972đ; Anh Vũ Nguyễn Nguyên P hoặc người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 1.565.753đ; Anh Đặng Văn T2 hoặc người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Lan A số tiền là

3.780.822đ; Anh Hồ Phúc T3 số tiền 896.712đ; Anh Vũ Đức S số tiền 887.397đ; Anh Nguyễn Văn T4 số tiền là 2.363.013đ; Anh Nguyễn Văn V hoặc người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn M số tiền là 4.179.453đ; Anh Nguyễn Đăng Nhật H hoặc người đại diện hợp pháp bà Trần Thị T5 số tiền là 1.890.411đ; Anh Lương Đăng D số tiền là 2.557.397đ; Anh Đinh Ngọc H1 số tiền là 472.603đ; Anh Nguyễn Văn Hoàng L1 hoặc người đại diện hợp pháp số tiền là 5.638.356đ; Anh Hoàng Ngọc B hoặc người đại diện hợp pháp bà Vũ Thị N1 số tiền là 690.411đ; Anh Nguyễn Đình H2 số tiền là 1.890.411đ; Anh Vũ Đình Huy H3 số tiền là 2.835.616đ; Anh Quán Văn T6 số tiền là 1.984.932đ; Anh Quách Tiến Đ hoặc người đại diện hợp pháp bà Đoàn Thị Thanh T7 số tiền là 3.789.041đ; Anh Phạm Duy N2 hoặc người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị L3 số tiền là 2.565.205đ; Anh Phạm Văn D1 số tiền là 1.701.370 đồng; **Anh Nguyễn Văn H4 hoặc người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn C số tiền là 756.165đ; Anh Nguyễn Văn D2 hoặc người đại diện hợp pháp bà Ngô Thị P1 số tiền là 1.323.288 đồng; Anh Phạm Đình K2 số tiền là 283.562đ.**

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Trần Huy Q, phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[1] Xử phạt: Bị cáo Trần Huy Q 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 09/01/2024 là 8 ngày bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Huy Q còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện E nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Huy Q cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong 01 tuần.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Huy Q số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Bị cáo Q phải nộp một lần tiền để sung công quỹ Nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện E đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại cho Lương Đăng D 01 (một) giấy CCCD số 066205016195; trả cho Quán Văn T6 01 (một) giấy CCCD số 056205000175; trả cho Phạm Duy N2 01 (một) giấy CCCD số 066206013568 mang tên Phạm Duy N2.

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với xe mô tô biển kiểm soát 47F1 – 467.29, nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade màu đen, giấy đăng ký xe mang tên Trần Huy Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone XS màu vàng; số tiền 1.300.000 đồng đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Các đồ vật, tài liệu, tài sản trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Trần Huy Q phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được 284.500.000đ (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Q đã thu của người vay là 2.404.112đ (Hai triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười hai đồng). Tổng cộng bị cáo Q phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền là 286.904.112đ (Hai trăm tám mươi sáu triệu chín trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười hai đồng).

- Buộc những người vay phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền vay còn nợ bị cáo Q với tổng số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), cụ thể: Anh Lương Đăng D phải nộp số tiền 15.000.000đ; Anh Quán Văn T6 phải nộp số tiền 3.000.000đ; Anh Phạm Duy N2 phải nộp số tiền 3.000.000đ. Trường hợp Phạm Duy N2 (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 10 tháng 11 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Phạm Duy N2 là bà Nguyễn Thị L3 phải nộp để sung quỹ nhà nước; Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm: 2006, trú tại: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải nộp số tiền 1.000.000đ. Trường hợp Nguyễn Văn H4 (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 9 tháng 23 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn H4 là ông Nguyễn Văn T11 phải nộp để sung quỹ nhà nước.

- Buộc anh Lương Đăng D phải nộp số tiền 2.000.000đ và Đặng Văn T2 phải nộp số tiền 12.000.000đ để sung quỹ nhà nước. Trường hợp Đặng Văn T2 (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 3 tháng 03 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Đặng Văn T2 là bà Nguyễn Thị Lan A phải nộp để sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Huy Q **phải trả cho người vay tổng** số tiền thu lợi bất chính là 43.045.888đ để trả lại cho nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên *quan* gồm: Anh Võ Văn T số tiền là **993.972đ**; Anh Vũ Nguyễn Nguyên P hoặc người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 1.565.753đ; Anh Đặng Văn T2 hoặc người đại diện hợp pháp bà **Nguyễn** Thị Lan A số tiền là 3.780.822đ; Anh Hồ Phúc

T3 số tiền 896.712đ; Anh Vũ Đức S số tiền 887.397đ; Anh **Nguyễn Văn T4** số tiền là 2.363.013đ; Anh Nguyễn Văn V hoặc người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn M số tiền là 4.179.453đ; Anh Nguyễn Đăng Nhật H hoặc người đại diện hợp pháp bà Trần Thị T5 số tiền là 1.890.411đ; Anh Lương Đăng D số tiền là 2.557.397đ; Anh Đinh Ngọc H1 số tiền là 472.603đ; Anh Nguyễn Văn Hoàng L1 hoặc người đại diện hợp pháp số tiền là 5.638.356đ; Anh Hoàng Ngọc B hoặc người đại diện hợp pháp bà Vũ Thị N1 số tiền là 690.411đ; Anh Nguyễn Đình H2 số tiền là 1.890.411đ; Anh Vũ Đình Huy H3 số tiền là 2.835.616đ; Anh Quán Văn T6 số tiền là 1.984.932đ; Anh Quách Tiến Đ hoặc người đại diện hợp pháp bà Đoàn Thị Thanh T7 số tiền là 3.789.041đ; Anh Phạm Duy N2 hoặc người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị L3 số tiền là 2.565.205đ; Anh Phạm Văn D1 số tiền là 1.701.370 đồng; Anh Nguyễn Văn H4 hoặc người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn C số tiền là 756.165đ; Anh Nguyễn Văn D2 hoặc người đại diện hợp pháp bà Ngô Thị P1 số tiền là 1.323.288 đồng; Anh Phạm Đình K2 số tiền là 283.562đ.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015”.

[3] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Huy Q phải chịu 200.000đ án **phí hình sự sơ thẩm**.

[4] Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật **Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự**, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại **các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự**; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc

